

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Lê Quang Đây.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Ông Tăng Tấn L – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ kết hôn và chung sống với nhau vào tháng 5/1987, cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay anh L khởi kiện xin ly hôn với chị T; chị T đồng ý ly hôn với anh L.

- Về con chung: Anh chị chung sống có 04 người con chung tên Đỗ Thành V, sinh năm 1988 (nam); Đỗ Thành N, sinh năm 1992 (nam); Đỗ Văn K, sinh năm 1996 (nam) và Đỗ Thị Trúc Đ, sinh năm 2003 (nữ). Các con hiện đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh chị xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh L và chị T cùng xác định hiện vợ chồng có nợ cụ thể như sau:

+ Nợ tiền góp của Nguyễn Thanh T (em ruột chị T) số tiền 50.000.000 đồng.

+ Nợ chị Trương Kim S số tiền 100.000.000 đồng.

+ Nợ tiền góp của chị Mỹ U 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh L xác định có nợ anh K số tiền mấy trăm triệu đồng gồm tiền hốt hụi không biết bao nhiêu, tiền đứng 100.000.000 đồng; chị T xác định chỉ có nợ tiền hụi hơn 100.000.000 đồng, không có nợ tiền đứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L và chị T vắng mặt có văn bản xin vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án anh L và chị T thận tình ly hôn nhau, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, trên cơ sở nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Tuy nhiên, anh chị kết hôn và chung sống với nhau vào tháng 5/1987 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*; tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*. Như vậy, anh L và chị T kết hôn sau ngày 03/01/1987 cho đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm việc đăng ký kết hôn. Do đó, mối quan hệ hôn nhân của anh L và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung. Quá trình chung sống anh chị có 04 người con chung tên Đỗ Thành V, sinh năm 1988; Đỗ Thành N, sinh năm 1992; Đỗ Văn K, sinh năm 1996 và Đỗ Thị Trúc Đ, sinh năm 2003. Các con hiện đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị T trình bày có nợ tiền của Nguyễn Thanh T, chị Trương Kim S, chị Mỹ U, anh K. Tuy nhiên, Tòa án đã giao Thông báo đưa thêm người tham gia tố tụng số 253/TB-TA ngày 20/02/2024 cho Nguyễn Thanh T, chị Trương Kim S, chị Mỹ U và anh K hợp lệ nhưng không có yêu cầu khởi kiện để đòi lại số tiền nợ anh L, chị T kê khai. Do đó, không có căn cứ để giải quyết số nợ anh L và chị T kê khai, cũng như không có cơ sở để tiếp tục đưa các đương sự vào tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ và cần tách phần nợ ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là có cơ sở như nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh L phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh L thuộc hộ nghèo, được miễn dự nộp án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Đỗ Văn L.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Kiên